



國立臺灣師範大學  
NATIONAL TAIWAN NORMAL UNIVERSITY

## 第三十四屆梁實秋文學大師獎 附設師大翻譯獎題目

**I. Tuấn Chàng Trai Nước Việt Chứng Tích Thời đại Từ 1900 Đến 1970 của tác giả Nguyễn Vỹ. Tác Giả Xuất Bản, năm 1970.**

***Trích trong Chương 1: giai đoạn từ năm 1900-1910, đoạn “Lần đầu tiên một người Việt Nam bỏ búi tóc cổ truyền, để “cúp tóc” theo như Tây. Làm lễ tạ tội với Ông Bà trước khi hớt tóc”, từ trang 36-41.***

Ngày nhập học, chàng thanh niên Lê Văn Thanh, vẫn để búi tóc trên đầu, vẫn bịt khăn đen, mặc áo dài đen, chân mang guốc, cặp hai quyển vở và cây bút sắt, cây bút chì, thước gạch, bình mực tím, bẽn lẽn đến trường. Đây là một mái trường lợp tranh, vách, tường bằng phen tre quét vôi, nền tô xi măng. Ông Đốc, người Việt Nam đã già, nói tiếng Hà Tĩnh bảo cậu:

-Trưa nay về nhà, cậu phải cúp tóc ca-rê, bỏ cái búi tóc kia đi và đừng bịt khăn...Chiều nay cậu cúp tóc rồi Nhà nước sẽ cho cậu một cái mũ trắng để đội.

Chàng khúm núm, chấp hai tay, cúi đầu:

-Dạ, bẩm Quan lớn, con xin tuân lệnh Quan lớn.

Quan lớn dắt cậu xuống lớp Năm, giao cậu cho thầy giáo. Quan Đốc và các thầy giáo đều mặc áo dài Việt Nam nhưng đầu cúp rẽ, chân mang giày Hạ.

Tất cả các thầy công chức làm việc cho Nhà Nước ở trong tỉnh đều mặc áo quần Việt Nam, đầu cúp ca rê hoặc rẽ một bên. Không có ai mặc áo Tây cả.

Trưa hôm ấy, chàng thanh niên Lê Văn Thanh về nhà thưa với cha, là ông Xã Quý, về việc cúp tóc. Ông Xã không chịu. Ông đập bàn, đập ghế, la hét om sòm:

-Con có cha, như cái đầu có tóc. Theo phong tục nước An Nam, con phải để tóc, ấy là để thờ Cha Mẹ, ấy là có hiếu. Cắt tóc đi cũng như là từ bỏ cha mẹ. Tao theo sách



國立臺灣師範大學  
NATIONAL TAIWAN NORMAL UNIVERSITY

thánh hiền dạy lễ giáo từ xưa tới nay của nước An Nam như thế. Tao đây đã 50 tuổi, ông Nội bà Nội mà đã quá vãng rồi, mà tao còn búi tóc, để giữ đạo làm con cho trọn chữ Hiếu. Huống chi ngày nay tao còn sống mà mà lại cắt cái búi tóc bỏ đi sao được! Chiều mà vô trường thưa với Quan Đốc Học như thế.

Nói xong, ông Xã ngồi khóc rờn rã. Chàng con trai Lê Văn Thanh, cũng khóc nức nở. Bà Xã, ở dưới bếp chạy lên nghe câu chuyện của chồng vừa nói, cũng ngồi xuống ngạch cửa, khóc hu hu. Ông Xã nói tiếp, với giọng tức tối:

-Làm con, có cái búi tóc trên đầu để thờ Cha kính Mẹ mà cắt bỏ đi, thì còn gì là Cha con, Mẹ con nữa!...Mày mà nghe lời người ta cắt bỏ cái búi tóc, thì là tao nhảy xuống giếng tao tự tử!

Ông lại khóc to lên, hu! hu! hu!

Ông Xã khóc, bà Xã khóc, chàng thanh niên Lê Văn Thanh cũng khóc, nhưng rồi cuộc rồi cái búi tóc trên đầu chàng cũng phải cắt bỏ đi, tóc phải cúp “carré” và Quan Đốc học trường Nhà Nước đã truyền lệnh như thế. Nhưng năm 1910, tận nơi tỉnh lý mà tôi đang nói đây\_\_ cũng như tại các tỉnh khác ở Trung Việt, chỉ mới có một vài người làm nghề hớt tóc mà thôi. Chú Bảy theo ghe nước mắm vào Đồng Nai học nghề cúp tóc trước đó một vài năm. (Lúc bấy giờ, cho đến khoảng năm 1920, ở các tỉnh Trung Việt, người ta vẫn gọi Saigon là Đồng Nai. Danh từ “Saigon” chưa được thông dụng) Chú mua kéo, “toon- đơ”, dao cạo, cũng ở tại Đồng Nai, đem về mở tiệm cúp tóc ở tỉnh lý. Nói là mở tiệm, nhưng chú chỉ thuê một xó hè của một tiệm buôn khách trú, đặt một cái bàn con, một chiếc ghế đầu, và treo một tấm kiếng trên vách tường, thế là đủ cho chú hành nghề. Chú treo tấm vải trắng phía ngoài đường, trên vải chú viết bằng mực Tàu, một chữ Tây: “COIFFEUR”, và chừa ở dưới hai chữ Hán (Thé Phát: Cắt tóc). Chữ Quốc ngữ vì chưa được truyền bá, ít người biết, nên chú thợ hớt tóc chỉ viết quảng cáo bằng chữ Hán và chữ Tây, mặc dầu chữ Tây cũng chưa mấy người học đến. Chú đề chữ tây cho oai, bắt chước chữ tàu học lỏm trong Đồng Nai, và thỉnh thoảng chú nói với một vài bác lính tập: “Tui làm cốp phơ cho quan Công Sứ (1)”. Vì vậy mà trong tỉnh, người ta gọi chú là chú Bảy “cốp phơ”.

Chiều hôm ấy, chàng thanh niên Lê Văn Thanh đến tiệm hớt tóc, nét mặt rầu rĩ, nói với chú Bảy “cốp phơ” :



- Chú Bảy đem đồ qua nhà tôi, cúp tóc cho tôi được không chú ? Vì ông già tôi còn phải cúng Ông Bà để cho tôi cắt tóc. Chú Bảy cốt phơ gặt đầu lia lịa:

- Thầy Xã nói phải. Cái búi tóc trên đầu mình là của Ông Bà cha mẹ. Cắt nó đi là có tội, cho nên phải cúng Ông Bà. Cúng một lần rồi sau khỏi cúng chớ sao.

- Quan Đốc học bắt học trò phải hớt tóc, tôi tuân lệnh Quan, chớ nói thiệt với chú, người An Nam mình có cái búi tóc để thờ Ông Bà cha mẹ, cắt đi phạm tội bất hiếu.

- Phải, cậu Bốn có học sách Thánh Hiền cậu nói tôi nghe được.

Cậu Bảy cốp phơ gói dao, kéo, toon- đơ, gương, lược vào trong một gói vải đỏ rồi xách tòn ten đi theo cậu Bốn Thanh đến nhà ông Xã. Trên bàn thờ ông bà, có bày một hộp trà cau, một nải chuối chín và một con gà luộc. Một mâm gỗ lớn đựng mười chén cháo và mười đôi dĩa, đặt trên bộ ván kê trước bàn thờ. Ông Xã thắp đèn hương, đứng khấn vái hồi lâu. Ông khấn như sau đây:

“Bữa nay, thằng con bất hiếu Lê Văn Thanh, tuân lệnh Quan, phải cắt tóc để đi học trường Nhà Nước, nên có lễ vật để cáo với liệt vị tiên nhân, các bậc Cao tăng Tổ khảo với Tổ phụ, Tổ mẫu, chứng giám. Xin vong linh liệt vị phù hộ cho con cháu, để nó học hành, công danh hiển đạt”.

Khấn xong, ông lạy ba lạy. Đến lược Lê Văn Thanh, áo dài, khăn đen với cái búi tóc trên đầu, cũng lạy ba lạy. Xong nghi lễ cáo với ông bà, ông Xã đưa tay vẫy gọi chú Bảy cốp phơ đứng khúm núm ngoài hè. Chú vào kéo một chiếc ghế để ngay chiếc bàn thờ, bảo Lê Văn Thanh ngồi. Thanh gỡ cái khăn đen trên đầu ra, cung kính đặt nó trên một chiếc khay bên cạnh mâm cháo gà, vái thêm ba vái nữa rồi mới ngồi ghế. Chú Bảy bảo chàng xỏ búi tóc ra. Một lọn tóc đen mượt chảy lòng thòng xuống đến nửa lưng. Chú Bảy cốp phơ tự thấy mình đang đóng một vai trò trọng đại, nên chú làm ra vẻ oai vệ, lấy vạt áo lau lại hai lưỡi kéo trước khi lùa lọn tóc nắm vừa vịn trong bàn tay, rồi tay kia cầm kéo cắt sát trên đỉnh đầu. Tóc dài quá, kéo thì lứt, chú Bảy phải xấp đến bốn năm lượt búi tóc mới rơi hết xuống đất thành một đồng đen ngòm.

Bà Xã đứng gần đấy, òa lên khóc thê thảm, quay lưng đứng đỉnh vào nhà trong.

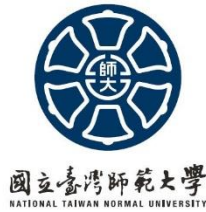


國立臺灣師範大學  
NATIONAL TAIWAN NORMAL UNIVERSITY

Ông Xã rưng rưng hai ngón lệ. Trên bàn thờ, ba que nhang cùng tỏa ra một làn khói thơm nồng, cuộn cuộn lên cao. Ngọn đèn dầu phụng cháy tỏ như thể có vong hồn các đấng tiền nhân đang chứng minh nghi lễ “thế phát” của đứa con trưởng nam trong gia đình.

Thanh cúi đầu ngời yên lặng, không quấy cựa. Chàng có cảm tưởng đang cam chịu một thay đổi lớn lao trong đời chàng, và mỗi mớ tóc xác xơ rơi xuống đất là một chút dĩ vãng đang rơi khỏi đầu óc của chàng trai nước Việt đương buổi giao thời.

Chú thích: (1) Chủ tỉnh người Pháp, thời Pháp thuộc.



## **II. Nói Về Miền Nam, tác giả Sơn Nam, nhà xuất bản Lá Bối in lần thứ nhất năm 1967 Saigon Vietnam. Trích trong chương “Dân Hai Huyện Và Ông Nguyễn Hữu Cảnh”, từ trang 29-35.**

Phàm người Việt yêu nước, ai lại chẳng muốn nói, muốn nghe đến vẻ đẹp của giang sơn gấm vóc tức là phong cảnh núi sông, với bao nhiêu hào khí.

Đề tượng trưng cho đất nước thân yêu, nhiều người vẽ bản đồ Việt Nam với những lần nét mơ hồ, sau đỉnh hương trầm cuộn cuộn khói. Hoặc là chùa Một Cột, lăng tẩm Huế rồi đến cổng lăng ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt.

Ba kiểu kiến trúc tiêu biểu cho 3 miền, cũng khá cụ thể nhưng chưa ổn. Chúng tôi đã xem một bức tranh nhỏ, trong đó cái cổng lăng ngài Tả Quân được thay thế bằng hình ảnh một cô gái đội nón lá, chèo xuồng trên kinh rạch, giữa biển lúa vàng: Đã bắt đầu gọi được niềm vui tươi, phóng khoáng rồi đấy! Nhưng cũng chưa thỏa mãn. Tại sao cô gái ấy chèo xuồng một mình và cười một mình. Cô ta sẽ già, hóa đá chẳng? Còn thiếu một điều gì, khó nói - nhưng có lẽ quan trọng khi muốn tìm một hình ảnh tượng trưng cho cá tính miền Nam.

Có bạn nóng nảy nói nhanh:

- Tại sao lại khó tính, lảm cẩm như vậy? Cứ đờn ca vọng cổ, ăn nhậu say sưa, lựa món ngon vật lạ nào lươn ếch rùa rắn là đầy đủ bản sắc miền Nam rồi. Nếu cần bổ túc thì cứ nói thêm: Người miền Nam hiền lành, không có gì sâu sắc, ít lo xa, hơi lười biếng, ưa nói thẳng ...

Nhận xét ấy đúng nhưng vẫn còn hơi hợt. Nếu chỉ có bao nhiêu nét không sâu đậm ấy thì liệu ông cha ta có giữ nổi đất và sống nổi đến ngày nay chẳng? Trong lịch sử nhân loại, bao nhiêu dân tộc đã mất tên, trong khi họ ít “lo xa, không có gì sâu sắc, hơi lười biếng, ưa nói thẳng!”.

Miền Nam là phần đất cay nghiệt, đã từng chôn vùi hoàn toàn hoặc làm ngưng đọng bao nền văn hóa. Lịch sử đã cho biết: Xưa kia, tại đồng bằng sông Cửu Long đã mọc lên vương quốc Phù Nam. Vương quốc này phồn thịnh nhờ làm trung gian



國立臺灣師範大學  
NATIONAL TAIWAN NORMAL UNIVERSITY

thương mại giữa vài nước Đông Nam Á; còn lưu lại vài đồng tiền vàng La Mã, có thể làm giả thuyết cho sự liên lạc giữa Phương Tây và miền Nam từ thế kỷ thứ 3, cách đây 1.600 năm. Ấy thế mà nước Phù Nam lâm vào cảnh tang thương, tang thương cho đến đổi các nhà khảo cổ giỏi nhất cũng chẳng tài nào ước đoán: Người Phù Nam thuộc vào dân tộc nào? Tiểu quốc của họ bị diệt vong vì đâu? Và ngay đến cái tên tạm bợ là Phù Nam! Các sử gia chỉ biết tên ấy xuyên qua vài trang sử đời Lương, đời Đường bên Tàu; ngày nay ta đọc hai chữ nho Phù Nam, và chẳng hiểu các sử gia Tàu có phiên âm lại đúng giọng cái tên của một tiểu quốc bé bỏng, tuy giàu sang nhưng sớm mai một? Căn cứ vào các nền nhà, đồ trang sức tìm được tại vùng đất xưa bên kia Hậu Giang, chúng ta quả quyết: Nước Phù Nam bị tiêu diệt vì văn hóa của họ chẳng biểu lộ nét gì đặc sắc, toàn là góp nhặt văn hóa Ấn Độ, Ba Tư. Thế thôi.

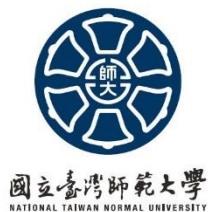
Bao nhiêu thành quách bị chôn vùi dưới lớp phù sa, trở thành một vùng đồng chua hoang dại. Thế mới hay: Phù sa sông Cửu Long và biển Nam Hải có sức mạnh tiêu diệt những nhóm người lưu vong, ăn xối ở thì, thiếu cá tính. Và những kẻ đến sau đó, tuy đã thôn tính tiểu quốc Phù Nam nhưng vẫn bị sa lầy, trụ hình trong nếp sống mộc mạc, kiếm ăn ngày nào hay ngày ấy, tập trung nhà cửa trên vài giồng đất cao ráo, khai thác sơ sài vùng phụ cận. Và ra khỏi xóm chường vài trăm thước là cây cỏ mọc hoang, dày bịt, làm sào huyết cho cọp, voi. Ở vùng đất phù sa ẩm thấp mà sanh hoạt của nhóm người ấy thu hình lại như một số thôn bản miền sơn cước.

Phù sa sông Cửu Long, vịnh Xiêm La đã chôn vùi nước Phù Nam!

Phù sa sông Cửu Long, vịnh Xiêm La đã trở thành vùng sơn cước đối với người Miên!

Người Việt Nam lại xuất hiện, nhận lãnh bao thử thách.

Họ là những người ở Bình Định, Quảng Nam. Họ chán chê những thửa ruộng kém màu mỡ nhỏ hẹp, giới hạn bởi dãy Trường Sơn khô cằn và biển Đông đầy giông bão. Trên những thửa ruộng ấy, dường như người Chiêm Thành đã chịu thua thiên nhiên: Họ ít chịu ly hương và điểm quan trọng nhất là họ quá bảo thủ về văn hóa, chẳng muốn làm kẻ “lai căn” hầu đón gió bốn phương. Người Việt Nam ta thích đi xa và giàu tinh thần dung hòa. Vùng đồng bằng Đồng Nai và Cửu Long đang chờ đón.



Từ đời Hiền Vương cách đây 300 năm, người Việt Nam trong thời Nam Bắc phân tranh đã sẵn sàng đi xa hơn ranh giới của quê cha. Họ theo đường biển, dùng ghe đánh lưới, đến tận mũi Cà Mau và đảo Phú Quốc.

Sử sách gọi đó là đám người “lưu dân”, người không căn cứ nhất định, sống phóng túng, nghĩa là những phần tử bất hảo, dốt nát, thiếu luân lý, bị luật lệ và phong tục lên án. Tóm lại, đám dân tứ chiếng trốn xâu lậu thuế ấy phá hại văn hóa hoặc thuộc vào trình độ văn hóa thấp.

Gần đây, vài nhà xã hội học đã minh xác khả năng kiến tạo và tinh thần đạo đức của những lưu dân từ Âu Châu sang lập quốc tận Mễ Tây Cơ, Ba Tây. Đa số chỉ là nạn nhân, lắm khi là tội nhân bị lên án rất oan ức bởi luật lệ và luân lý phong kiến. Thử xem lại vài chi tiết của bộ luật Hồng Đức, đời Lê: giết trâu vô cố, trai gái ăn ở với nhau theo kiểu tự do kết hôn, chống đối với cường bạo ác bá, đều là những tội có thể bị đày gần (lưu cận chu), đày xa (lưu viễn chu) và đày ra khỏi biên giới tổ quốc (lưu ngoại chu). Ở nước ta, các vùng Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam và ngay cả vùng tỉnh Thanh Hóa há chẳng phải do một số đông tội nhân bị lưu hình đến khai thác. Thực tế chứng minh rằng thế hệ của họ và các thế hệ về sau đã góp công xây dựng văn hóa, bảo vệ được thuần phong mỹ tục.

Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, một số lưu dân khá đông đến thám hiểm và định cư tại ven biển và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nói chung, người xa lìa tổ quốc thường ưa thích mua bán – thứ nghề dễ sanh lợi, ít cực nhọc. Nhưng số lưu dân Việt Nam đi tiên phong vào đồng bằng sông Cửu Long không chọn con đường dễ sống đó. Nhiều người cho người Việt Nam ít có khiếu về thương mại. Rất có lý nhưng cũng vô lý. Lúc bấy giờ, đám lưu dân Việt Nam đủ sức tranh thương với người Miên, nói rõ hơn là họ đủ sức tổ chức thương mại, đầu cơ hàng hóa ở một vùng mà nền thương mại còn trong tình trạng đổi chác sản phẩm.

Thái độ của đám lưu dân thật rõ rệt: họ lo khai thác đất hoang, đương đầu với bệnh tật, cọp sấu, đùa giỡn với sóng biển. Họ chọn lựa con đường khó khăn, đầy vinh quang mà có người cho rằng đại khờ, hời hợt. Miễn sao cho những kẻ đến sau được thừa hưởng di sản quý báu của họ. Mặc cho kẻ khác phi báng, hiểu lầm. Họ chịu cực



國立臺灣師範大學  
NATIONAL TAIWAN NORMAL UNIVERSITY

nhiều nhưng hưởng rất ít. Đó là thái độ bám sát đất nước, tin tưởng nơi khả năng của con người. Con người sẽ biến đổi bùn lầy ra cơm, sẽ lập đền chùa trên biển cỏ. Hoàn toàn tin tưởng vào thiên nhiên, cải biến thiên nhiên, không sợ thiên nhiên.